

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:177/ 2024/HS-ST

Ngày: 26/ 3/ 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ, TỈNH THANH HÓA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Ông Lê Việt Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông Trần Đình Tú - Thư ký TAND T phố Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Lê Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/ 3/ 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân T phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 160/ 2024/ HSST ngày 11/ 01/ 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/ 2024/ QĐXXST- HS ngày 07/ 02/ 2024 đối với bị cáo:

Trần Trung N; sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn T T, xã Q B, huyện Q X, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: N; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: Trần Nguyên M, Sinh năm 1965; Con bà: Hà Thị Liên H, Sinh năm 1971; Vợ: Trần Thị Hiền, Sinh năm 1997; Có 04 con, nhỏ nhất sinh năm 2021, lớn nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2017 Công an TP Thanh Hoá xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

Tạm giữ từ ngày 16/9/2023 đến ngày 19/9/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1. Anh Lê Xuân T, sinh năm 1978 – Vắng mặt

Trú tại: Lô X MBQH Y, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

2. Anh Đới Văn T, sinh năm 1973 – Vắng mặt

Trú tại: SN Z Hà HT, phường Q T, TP. Thanh Hóa , tỉnh Thanh Hóa;

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn V – Sinh năm 1988 - Vắng mặt

Địa chỉ: SN H NT, Phường Đ H, T phố Thanh Hóa;
2. Anh Lê Đức C – Sinh năm 1997 - Vắng mặt
Địa chỉ: G N N S, Phường P S, T phố Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công ăn việc làm ổn định, nhưng cần tiền chi tiêu cá nhân và gia đình, nên từ năm 2021 đến năm 2023 Trần Trung N đã sử dụng tiền cá nhân để cho vay lãi nặng, với hình thức cho vay tín chấp mà không cần phải cầm cố tài sản. Lãi suất cho vay từ 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày, tương đương với mức lãi suất 108%/ năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khách hàng là người dân trên địa bàn T phố Thanh Hóa. Ngày 16/9/2023 nhận thức được việc mình cho vay lãi nặng trọng giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nên Trần Trung N đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa để đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra đủ căn cứ kết luận từ đầu năm 2021 đến cuối tháng 7 năm 2022, N đã cho các khách vay cụ thể như sau:

1. Cho anh Lê Xuân T, trú tại phường Đông Vệ, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vay:

Ngày 02/02/2021, N cho anh T vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với lãi suất tính 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 108%/ năm (9%/tháng) gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 26/6/2022, anh T đã thanh toán được số tiền lãi đối với khoản vay này là 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng chưa trả được tiền gốc.

Ngày 07/6/2021, N cho anh T vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất tính 3.000đ/triệu/ngày, tương đương tương đương 108%/ năm (9%/tháng), gấp 5.4 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 01/7/2022, anh T đã thanh toán được số tiền lãi đối với khoản vay này là 11.100.000đ (mười một triệu một trăm nghìn đồng). Do chưa trả được tiền gốc nên N đã làm hợp đồng mới cho anh T với tổng số tiền cả hai lần cho vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) với lãi suất tính 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 108%/ năm (9%/tháng). Đến ngày 10/4/2023, anh T đã thanh toán được số tiền lãi đối với khoản vay này là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Khi đó anh T không còn khả năng đóng lãi nên xin đóng 560.000đ/lần để trừ dần vào số nợ gốc 30.000.000đ thì N đồng ý. Đến nay, anh T đã thanh toán hết số tiền gốc cho N.

Như vậy tổng số tiền N sử dụng cho anh T vay là 30.000.000 đồng, lãi N thu được là 59.200.000đ (Năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng của khoản vay là 12.361.644đ (Mười hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm bốn bốn đồng). Tổng số tiền thu lời bất chính mà N thu là

46.838.356đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

2. Cho anh Đới Văn T, trú tại phường Quảng Thắng, TP. Thanh Hóa vay:

Ngày 01/10/2021, N cho anh T vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) với lãi suất tính 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 108%/ năm (9%/tháng), gấp 5.4 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đối với khoản vay này N đã cắt lãi trước một tháng số tiền 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn) và chỉ đưa cho anh T số tiền 27.300.000đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng). Đến ngày 24/7/2023, anh T đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi. Tổng số tiền lãi N thu được là 58.050.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn). Số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng của khoản vay là 10.865.753 (Mười triệu tám trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng). Tổng số tiền thu lãi bất chính mà N thu là 47.184.247đ (Bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Trần Trung N đã thực hiện việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với anh Lê Xuân T và anh Đới Văn T với tổng số tiền giao dịch là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi N thu được là: 117.250.000 (Một trăm mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi được thu theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 23.227.297 đồng, số tiền đã thu lãi bất chính là 94.022.603 đồng (Chín mươi tư triệu không trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng) với lãi suất tương ứng 108%/ năm, vượt quá gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về phần dân sự: Quá trình điều tra, anh Đới Văn T không yêu cầu nhận lại số tiền thu lãi bất chính của Trần Trung N.

Anh Lê Xuân T có yêu cầu được nhận lại số tiền thu lãi bất chính.

Ngoài ra Trần Trung N cho 04 khách vay và giúp sức cho N có Nguyễn Văn Việt và Lê Đức Châu. Tuy nhiên áp dụng Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn điều 201 Bộ luật Hình sự thì số tiền thu lãi bất chính của các hợp đồng vay đều dưới 30.000.000 đồng và đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính. Do đó không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi cho những người vay sau đây của Trần Trung N:

1. Ngày 17/10/2021 cho anh Phạm Văn H, trú tại phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất tính 4.000đ/triệu/ngày, tương đương 12%/tháng, ngày 13/7/2022 anh H đã thanh toán xong khoản vay. Tổng số tiền lãi N thu được là 15.700.000 đồng. Số tiền lãi được phép thu là 2.210.959 đồng, số tiền thu lãi bất chính mà thu là 13.489.041 đồng.

2. Ngày 29/04/2022 cho anh M, trú tại đường Phạm Văn, T phố Thanh Hóa vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất tính 10%/tháng, ngày 12/7/2022 anh Minh đã tất toán xong khoản vay. Tổng số tiền lãi N thu được đối với khoản vay này là 25.000.000 đồng. Số tiền lãi được phép thu là 4.054.795 đồng, số tiền thu lãi

bất chính mà thu là 20.945.205 đồng.

3. Cho anh Đàm Thuận G, trú tại Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa

Ngày 24/9/2021, N cho anh Gia vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất tính 5.000đ/triệu/ngày, tương đương 15%/tháng, anh G đã thanh toán được số tiền lãi đối với khoản vay này là 15.000.000 đồng, nhưng chưa trả được tiền gốc. Số tiền lãi được phép thu là 3.972.603 đồng, số tiền thu lời bất chính mà thu là 11.027397 đồng;

Ngày 23/11/2021, N cho anh G vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất tính 5.000đ/triệu/ngày, tương đương 15%/tháng, anh G đã thanh toán được số tiền lãi đối với khoản vay này là 6.000.000 đồng, nhưng chưa trả được tiền gốc và. Do không còn khả năng đóng lãi đối với hai khoản vay trên nên anh Gia xin N không đóng lãi và trả dần tiền gốc thì N đồng ý. Đến ngày 20/7/2022 anh G đã trả tiền gốc còn lại khoảng 10.000.000 đồng và N không lấy tiền gốc nữa mà cho anh G luôn.

4. Ngày 19/03/2022 cho anh Trần Ngọc H, trú tại phường Đông Vệ, T phố Thanh Hóa vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất tính 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 9%/tháng, anh H đã thanh toán được số tiền lãi đối với khoản vay này là 14.400.000 đồng. Do anh H đã đi khỏi địa phương trước ngày N đến Công an để đầu thú, nên N không thu được tiền gốc.

Riêng đối với khoản vay này, do anh Trần Ngọc H đi khỏi địa phương, nên chưa điều tra làm rõ được. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Trung N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với các chứng cứ và tài liệu thu thập được.

Đối với Nguyễn Văn V đã có vai trò giúp sức với Trần Trung N cho anh Trần Ngọc H, Phạm Văn H, Đàm Thuận G và anh M vay tiền của N. Do không xử lý hình sự đối với các lần cho vay này nên Cơ quan điều tra nhắc nhở Nguyễn Văn V là phù hợp.

Đối với Lê Đức C tuy là người đi thu tiền lãi cho N, nhưng C không biết mức lãi suất N và người vay thỏa thuận như thế nào. Mặt khác Châu cũng không biết N cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 96/ CT-VKSTP ngày 09/ 01/ 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hóa, đã truy tố bị cáo Trần Trung N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 201; Điểm i,s Khoản 1,2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015. Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn điều 201 Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Tuyên bố Trần Trung N phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ”.

Mức hình phạt đại diện VKS đề nghị áp dụng đối với bị cáo: Từ 21 đến 27 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi 09 ngày cải tạo không giam giữ, do bị cáo đã bị tạm giữ 03 ngày.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ nộp ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp:

Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với toàn bộ số tiền Trần Trung N dùng để cho vay là 60.000.000đ;

Truy thu của Trần Trung N toàn bộ số tiền lãi được nhận theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1, Điều 5 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt N là 23.227.397đ (Trong đó số tiền thu của Trần Trung N thu của anh Lê Xuân T là 12.361.644đ (mười hai triệu ba trăm sáu một nghìn sáu trăm bốn bốn đồng) và số tiền thu của anh Đới Văn Thanh là 10.865.753 (mười triệu tám trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng).

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Xuân T số tiền thu lời bất chính là 46.838.356đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Đối với số tiền Trần Trung N thu lời bất chính của anh Đới Văn T là 47.184.247đ (bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng). Quá trình điều tra anh Đới Văn T không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Nên công nhận sự thỏa thuận, không buộc bị cáo phải trả khoản tiền thu lời bất chính cho anh Đới Văn T.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra

và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội:

Do không có công việc ổn định, nên trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến ngày 24/7/2023 Trần Trung N đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với 02 khách hàng trên địa bàn T phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với tổng số tiền là 60.000.000đ đồng, hình thức vay tín chấp với mức lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương 108%/ năm (9%/tháng), gấp 5.4 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi N đã thu của 02 khách hàng là 117.250.000 đồng, số tiền lãi được thu theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 23.227.397 đồng, số tiền lãi mà Trần Trung N đã thu lời bất chính là 94.022.603 đồng.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu T tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự .

Vì vậy VKSND T phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Ngô Đức Tùng về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hiện nay hoạt động cho vay nặng lãi đang diễn ra thường xuyên và ngày càng phức tạp. Hoạt động tín dụng đen, cho vay nặng lãi đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Ngoài ra hoạt động cho vay nặng lãi còn làm cho nhiều người phải tán gia bại sản, nợ nần chồng chất, gia đình ly tán và nó còn là nguyên nhân làm gia tăng hoạt động bạo lực, uy hiếp sử dụng vũ lực, chiếm đoạt, cưỡng đoạt tài sản của người vay hoặc người thân trong gia đình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần phải xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhiều lần, trong đó có 02 lần cho vay mà số tiền thu lời bất chính của mỗi lần cho vay đó từ 30.000.000đ trở lên. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, xét xử bị cáo T khẩn khai báo; Đầu thú hành vi phạm tội; Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i , s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, cũng đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo Trần Trung N đã bị tạm giữ 03 ngày (Từ ngày 16/9/2023 đến ngày 19/9/2023), do đó áp dụng Khoản 1 Điều 36 của Bộ luật hình sự để tính trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Do bị cáo đã tạm giữ 03 ngày, nên bị cáo được trừ đi 09 ngày chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Do hiện nay bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có công việc ổn định và đang phải nuôi 04 con nhỏ. Do đó Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Trong vụ án này bị cáo phạm tội, có thu lời bất chính. Do đó áp dụng Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo 35.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

[6] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với khoản tiền cho vay và số tiền lãi theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự:

Truy thu của Trần Trung N để tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với toàn bộ số tiền gốc Trần Trung N dùng để cho vay là 60.000.000đ;

Truy thu của Trần Trung N toàn bộ số tiền lãi được nhận theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1, Điều 5 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt N là 23.227.397đ (Trong đó số tiền Trần Trung N thu của anh Lê Xuân T là 12.361.644đ (mười hai triệu ba trăm sáu một nghìn sáu trăm bốn bốn đồng) và số tiền Trần Trung N thu của anh Đới Văn Thanh là 10.865.753 (mười triệu tám trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng).

-Đối với số tiền thu lời bất chính:

+ Đối với số tiền bị cáo thu lời bất chính của anh Lê Xuân T. Quá trình điều tra anh Lê Xuân T đề nghị bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh. Xét yêu cầu của anh Lê Xuân T là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Xuân T số tiền thu lời bất chính là 46.838.356đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

+ Đối với số tiền Trần Trung N thu lời bất chính của anh Đới Văn T là 47.184.247đ (bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng). Tuy giai đoạn điều tra anh Đới Văn T trình bày lời khai không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này, nhưng HĐXX xét thấy đây là số tiền có liên quan đến hành vi phạm tội và cũng là số tiền do bị cáo phạm tội trong vụ án này mà có, do đó cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự để truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1, 3 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung N phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ”.

Xử phạt: Trần Trung N 27 (Hai mươi bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Nhưng được trừ đi 09 ngày (do đã tạm giữ bị cáo 03 ngày, từ ngày 16/9/2023 đến ngày 19/9/2023). Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 26 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Trần Trung N 35.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Trung N cho UBND xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về biện pháp tư pháp:

Truy thu của Trần Trung N để tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với toàn bộ số tiền gốc Trần Trung N dùng để cho vay là 60.000.000đ;

Truy thu của Trần Trung N toàn bộ số tiền lãi được nhận theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1, Điều 5 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt N là 23.227.397đ (Trong đó số tiền Trần Trung N thu của anh Lê Xuân T là 12.361.644đ (mười hai triệu ba trăm sáu một nghìn sáu trăm bốn bốn đồng) và số tiền Trần Trung N thu của anh Đới Văn Thanh là 10.865.753 (mười triệu tám trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng).

-Đối với số tiền thu lời bất chính:

+ Truy thu, tịch thu của bị cáo Trần Trung N số tiền thu lời bất chính của anh Đới Văn T là 47.184.247đ (bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

+Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Xuân T số tiền thu lời bất chính là 46.838.356đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam ;
- Bị cáo; người có QLVNQLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Ông

Lê Thị Hương

2. Bà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SẴN THỘM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- Trại tạm giam
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hồng

Nơi nhận:

- Bị cáo,
- UBND P Ngọc Trạo, Lam Sơn
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Công an TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng

2. Phạm Văn Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

